

Cồng và một số dàn công ở Tây Nguyên

Cồng là một nhạc cụ thuộc họ tự thân vang, chi gõ, có cao độ xác định hoặc không xác định. Cồng được chế tác bằng phương pháp đúc, đổ khuôn một hỗn hợp kim loại. Cồng có nhiều kích cỡ to nhỏ khác nhau và có 4 dạng sau:

- Cồng bẹt (tam tam)

- Cồng có dạng hình cơi trâu có nắp, ở giữa nắp có núm. Về phát âm, thực ra nó thuộc vào nguyên lý của trống hơn là cồng chiêng nên đôi khi còn được gọi là trống kim loại.

- Cồng mặt phẳng có viền cạnh gập xuống chiêng bằng). Các dân tộc ở Tây Nguyên thường gọi loại này là “chinh” hay “ching”. Người Việt thì dùng phổ biến từ Chiêng.

- Cồng lồi ở phần giữa và có viền cạnh gập xuống (chiêng núm). Các dân tộc ở Tây Nguyên thường gọi loại này là “chêng”, “chênh” (người Giarai, Bahnar, R’lăm...) hoặc “Guông”, “Goong” “Gông” (người Sêđ’ra, M’nâm, Stiêng...). Người Việt thì thường gọi là cồng.

ở Tây Nguyên Việt Nam rất phổ biến hai dạng cuối. Trong phần viết này, chúng tôi sử dụng hai thuật ngữ cồng (để chỉ chiêng núm), chiêng (để chỉ chiêng bằng), như người Việt thường dùng để tiện theo dõi. Các dân tộc ở Tây Nguyên sử dụng công theo dàn, không đánh riêng lẻ từng chiếc. Và mỗi một dân tộc có một cách tổ chức dàn công, cách diễn tấu riêng theo phong tục tập quán của mình.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu một số dàn công ở Tây Nguyên.

1. Dàn “Chinh Soang” [1]: phổ biến ở các dân tộc Bahnar, Giơrai, rơngao, Rơlăm, Hàlăng, Sơdra, Mơnam[2]... ở mỗi dân tộc dàn công còn có những tên gọi riêng. Thí dụ người Giơrai gọi là chinh Arap. Người Bahnar gọi là chinh chêng, chinh Honh. Người Hàlăng gọi là Ktum goong chinh... Cơ cấu thông thường của dàn gồm 5 cồng, 8 chiêng, 1 trống cái, 1 vài cặp chũm chơe nhỏ. Diễn tấu cùng dàn công còn có một dàn múa nữ và 3 hoặc 4 diễn viên hề. Số lượng cồng, chiêng có thể thay đổi nhưng tối thiểu phải có 3 cồng, 5 chiêng; tối đa là 7 cồng, 8 chiêng. Số diễn viên múa không cố định, có thể từ 10 đến 30 hoặc 40 người. Cồng lớn nhất đường kính khoảng 65 cm; đường kính chiêng nhỏ nhất khoảng 20 cm. Cao độ âm thanh của các cồng là: Rê - La - Rê - La - Rê1

Cao độ âm thanh của nhóm chiêng là:

Đô1 - Rê1 - Fa1 - Sol1 - La1 - Đô2 - Rê2 - Mi2.

Tương quan cao độ của các cồng, chiêng trong dàn luôn luôn ổn định. Sự khác nhau giữa các dàn công loại này có chăng cũng chỉ là sự di chuyển vị trí cao độ của từng chiếc trong dàn cùng lên hoặc cùng xuống một quãng nhất định mà thôi.

Người diễn tấu cồng, chiêng bao giờ cũng là con trai. Họ có thể ở các lứa tuổi khác nhau. Khi chơi mỗi người một chiếc. Tay trái xách chiêng, cồng, quay mặt cồng chiêng hướng về bên phải, thành cồng hướng vào bụng, tay phải cầm dùi. Các diễn viên múa là gái chưa chồng, còn các vai hề do đàn ông đóng. Dàn nhạc bố trí theo đội hình hàng một, người nọ cách người kia khoảng một mét đi thẳng, đi vòng tròn hoặc đứng yên tùy theo nghi thức của môi trường sử dụng. Trống bao giờ cũng dẫn đầu, tiếp đến cồng, chiêng, sau cồng chiêng đến chũm chơe, cuối cùng đến dàn múa. Hề đứng ở các vị trí tự do.

Âm nhạc của dàn “chinh soang” trữ tình, uyển chuyển.

Dàn “ching soang” chỉ được sử dụng trong các lễ hội cổ truyền. như lễ ăn cơm mới, lễ dựng nhà, lễ cưới, lễ tang, lễ bỏ mả... Trong lễ hội đâm trâu phần nghi thức, dàn chiêng không kết hợp với đội múa nữ (soang) mà kết hợp với điệu múa khiên của các nam chiến binh. Âm nhạc công lúc này thôi thúc, dồn dập, hùng hực, tốc độ nhanh và cường độ lớn.

2. Dàn “Guông”: Phổ biến ở vùng người Sêđ’ra (huyện Sa Thầy tỉnh Kontum) và M’nâm (huyện Konplông tỉnh Kontum) Đây là hòa tấu nhạc gồm 4 cồng núm (đường kính chiếc to nhất khoảng 50 cm, chiếc nhỏ nhất khoảng 20 cm), 1 dàn “Khinh Khung”, 1 kèn “Kvôh”, 1 trống cái và 1 người hát.



Đàn “Khi khung” là loại nhạc cụ tự thân vang, chi gõ, làm bằng nứa, gồm 2 ống: ống dài khoảng 50 cm, ống ngắn dài khoảng 30 cm. Mỗi ống đều có một đầu rỗng, một đầu kín. “Khi khung” được làm theo nguyên tắc của đàn T’rưng. Tức là người ta gọt vạt từ điểm giữa của ống cho thuận hẳn nhọn dần xuống phía đầu rỗng. Hai ống nối với nhau bằng dây mây. Hai ống “Khi khung” cho hai âm cách nhau một quãng 4 (La - Rê). Khi chơi tay trái cầm đàn, tay phải cầm dùi gõ đều đặn vào 2 ống.

Kèn “Kvôh” là loại sáo ngắn, thổi ngang, làm bằng 1 ống nứa rỗng hai đầu. Chiều dài ống khoảng 20 cm, đường kính ống khoảng 2,5 cm. ở giữa ống khoét 1 lỗ hình vuông gắn lưỡi gà (một miếng kim loại mỏng) để thổi. Khi thổi dùng 2 tay bịt 2 đầu ống và điều khiển đóng, mở sao cho có được những âm thanh khác nhau theo ý muốn.

Dàn “Guông” chỉ chơi trong nhà. Tất cả công và trống đều được treo lơ lửng ở gian phòng khách. Nhạc công chơi công thường là phụ nữ và bao giờ cũng diễn tấu ở tư thế ngồi gõ công. Mỗi người đảm nhận 1 chiếc. Cao độ âm thanh của các công trong dàn “Guông” định âm theo tương quan quãng 5 - quãng 4 - quãng 8 (Rê - La - Rê1 - Rê2) hoặc tương quan quãng 5 - quãng 4 - quãng 5 (Rê - La - Rê1 - La1). Đôi khi còn có dàn “Guông” có cao độ các công quan hệ theo tương quan quãng 4 - quãng 2 - quãng 4 (Rê - Sol - La - Rê1).

Trong dàn Guông âm thanh của công đỉnh đặc, trầm ấm. Âm thanh công cùng với “Khi khung” tạo nên một bè nền trì tục đệm cho người hát và giai điệu của kèn “Kvôh”.

Dàn Guông được diễn tấu trong những ngày lễ cổ truyền như: Lễ triã lúa thiêng, lễ ăn cơm mới, lễ đâm trâu tạ thần cầu an, lễ dựng nhà, lễ cưới... Dàn Guông không diễn tấu trong lễ tang.

3. Dàn “Chinh goong” của dân tộc Hơrê (huyện Sơn trà tỉnh Nghĩa bình). Dàn gồm 3 chiếc chiêng bằng và 1 chiếc trống nhỏ hình trụ. 3 chiếc chiêng này có tên gọi là Vong chinh, Tôm chinh, Tôôk chinh và kích thước của chúng xấp xỉ bằng nhau với đường kính khoảng từ 37 đến 39 cm. Cao độ âm thanh của “Chinh goong” Hơrê không định âm. Tuy vậy “Vong chinh” có cao độ thấp hơn “Tôôk chinh”, nhưng tương quan này cụ thể bao nhiêu thì người Hơrê không đặt ra. “Tôm chinh” có âm phát ra nghe ở gần như một tiếng động khô khốc, cao độ không rõ ràng và là âm cao nhất trong dàn. Khi diễn tấu mọi người đều ngồi và không dùng dùi để chơi công. Cách trình diễn “chinh goong” Hơrê rất độc đáo. Nhạc công đều là đàn ông, họ chơi công bằng tay và trên mỗi chiếc chiêng đều có một lối diễn tấu riêng. Chiếc “Tôôk chinh” được treo lên, người chơi quấn một chiếc khăn vào bàn tay phải rồi nắm chặt đánh nảy từ tâm mặt chiêng lệch sang cạnh mặt chiêng, còn tay trái ngắt âm ở mặt sau. Người chơi “Vong chinh” cầm chiêng đứng dọc theo bụng, tay phải nắm chặt đánh vào gần tâm điểm mặt chiêng cho vang đủ một trường độ qui định thì cả 2 tay cùng làm động tác ngắt tiếng. Người diễn tấu “Tôm chinh” để chiêng nằm úp trên đùi, ngồi xếp chân vòng tròn. Tay trái xoè bàn tay đặt sẵn trên mặt chiêng. Khi tay phải nắm lại vừa đánh vào tâm điểm mặt chiêng thì ngay lập tức tay trái nhấc lên rồi đặt xuống ngay, đồng thời tay phải cũng làm động tác ngắt tiếng luôn, không cho âm ngân nga. Âm nhạc của dàn “chinh goong” có tiết tấu sôi động. Người chơi càng diễn tấu với tốc độ nhanh càng được coi là tài nghệ.

Dàn “chinh goong” Hơrê chỉ trình diễn trong những dịp vui, lễ hội với vai trò độc tấu hoặc làm nhạc nền cho điệu hát “Ka chơi” cổ truyền. Trong lễ tang người Hơrê không tấu “chinh goong”.

dàn công dân tộc Êđê

4. Dàn chiêng “Knăh” của dân tộc Êđê (vùng Buôn Ma Thuột, Krông Păk, Krông Buk, Ea Sup, Mad’rak thuộc tỉnh Đắk Lắk)

Dàn gồm có 2 công nùm, 7 chiêng bằng và 1 trống. Trong đó chiếc to nhất có đường kính khoảng 75 cm, chiếc nhỏ nhất có đường kính khoảng 30 cm.

Cao độ âm thanh của các dàn chiêng “Knăh” không đồng nhất, mỗi dàn có một thang âm riêng. Mỗi chiếc trong dàn đảm nhận một dạng tiết tấu qui định nên khi hòa tấu tạo ra hiệu quả âm nhạc đa tiết tấu rất sinh động, dồn dập, thổi thúc.

Dàn “Knăh” chỉ được chơi ở trong nhà và do đàn ông diễn tấu. Tất cả nhạc công đều ngồi trên ghé dài (Kban) để đánh công, mặt quay về hướng mặt trời mọc. Cách bố trí dàn công trong nhà theo một qui định chặt chẽ: 1 chiếc công nùm lớn nhất và một chiếc chiêng bằng lớn nhất được treo lên về phía trái nhà; tiếp đến 6 chiêng bằng còn lại xếp cạnh nhau, cái to trước, cái nhỏ sau, người chơi đặt chiêng nằm trên đùi và

dùng dùi gỗ gõ vào mặt trong của chiêng. Sau 6 chiếc chiêng bằng là chiếc cồng thứ hai, người chơi đặt chiếc cồng này nằm trên mặt sàn nhà, dưới lót đệm vải hoặc đệm bông gòn và dùng dùi có bọc vải ở đầu để gõ. Trống xếp ở vị trí cuối sau dàn chiêng. Dàn chiêng “Knăh” là một thành phần không thể thiếu trong các ngày lễ hội cổ truyền của người Êđê.

5. Dàn chiêng “Hnih” của dân tộc Giẻ Triêng (vùng Đaklây tỉnh Kontum) Dàn “Hnih” gồm 3 chiếc chiêng bằng và 1 chiếc “Đuk dik”. Đây là dàn nhạc có định âm. “Đuk dik” là nhạc cụ họ tự thân vang, chi gõ, được làm từ một ống nứa có một đầu rỗng, một đầu kín. “Đuk dik” được làm theo nguyên tắc của đàn T’rưng, tức là người ta gọt vát từ điểm giữa ống cho thuôn hẵn và nhọn dần xuống phía đầu rỗng.

Ba chiêng bằng có đường kính chiếc to nhất khoảng 55 cm, cái nhỏ nhất đường kính khoảng 35 cm. Tương quan cao độ của các chiêng là: Quãng 8 - quãng 8 (La - La - La1). Đuk dik có cao độ tương quan với chiêng cao nhất một quãng 5 (Rê1).

Người diễn tấu chiêng “Hnih” bao giờ cũng là con trai. Khi chơi mỗi người một chiếc, tay trái xách chiêng, tay phải cầm dùi gỗ. Dàn chiêng xếp theo hàng một, chiêng đi trước, “Đuk dik” theo sau. Người diễn tấu ở tư thế hơi khom lưng, vừa đi vừa múa lắc lư theo nhịp chiêng. ứng với mỗi nghi thức của từng hội lễ dàn Hnih còn có thể diễn tấu kết hợp với múa, hát và các trò diễn dân gian khác nhau.

Dàn Hnih diễn tấu trong các ngày lễ đâm trâu, ăn tết, mừng nhà mới, lễ ăn cơm mới.

[1] Tên dân gian “chinh” là chiêng; “soang” là múa.

[2] Bahnar (huyện An Khê tỉnh Gia lai), Jơ rai (huyện Ayunpa, Chupăh tỉnh Gia lai và Kontum), R’măm, Hà lăng, Sêd’ra (huyện Sa Thầy tỉnh Kontum), M’nâm (huyện Kon plông tỉnh Kon tum) v.v...